TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về "ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Hồng Ph, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Khu phố 4, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Phan Ngọc K, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Hồng Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K tự tìm hiểu nhau một thời gian và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 05 tháng 02 năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng chung sống tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gỗ cải vã nhau, từ đó cuộc sống vợ chồng anh không còn hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc tới ai. Vợ chồng anh ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2015 tới nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có giải pháp hàn gắn gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu ly hôn với chị K.

Tại phiên tòa, anh Ph giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Phan Ngọc K

Về con chung: Anh và chị K có hai con chung tên là Lê Hồng Ngọc Q, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2007 và Lê Hồng Gia B, sinh ngày 05/3/2009. Hiện tại, con chung đang sống chung với anh tại khu phố 4, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung và anh không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị K tự thỏa thuận giải quyết. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- chị Phan Ngọc K đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập đến tham gia phiên hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng chị K không đến và cũng không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh Ph và việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Phan Ngọc K đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ph, cho anh Ph được ly hôn với chị Phan Ngọc K; về nuôi con: giao

cháu Q, cháu B cho anh Ph tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Ph không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm anh Ph phải chịu theo quy định của pháp luật. Chị K không phải chịu án phí

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn chị Phan Ngọc K có đăng ký thường trú tại Khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Ph và chị K trên cơ sở tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bến Cầu vào năm 2009 nên hôn nhân của anh Ph và chị K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và B vệ.

[2.1] Theo anh Ph mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng chung sống tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gỗ cải vã nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Quá trình xác minh cho thấy, vợ chồng anh chị mâu thuẫn như trên là có, hiện tại cả hai anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị K.

[2.2] Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ cãi vả nhau, từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong thời gian ly thân, anh Ph và chị K không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa anh Ph và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Ph là có cơ sở, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ph.

[3] Về con chung: Anh Ph và chị K có hai con chung tên Lê Hồng Ngọc Q, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2007 và Lê Hồng Gia B, sinh ngày 05/3/2009. Từ ngày ly thân cháu Q, cháu B sống với anh Ph. Xét thấy anh Ph yêu cầu được tiếp

tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với nguyện vọng mong muốn được sống với anh Ph của hai cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Q, cháu B cho anh Ph tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh Ph không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Chị Phan Ngọc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ph và chị K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hồng Ph đối với chị Phan Ngọc K.

Anh Lê Hồng Ph được ly hôn với chị Phan Ngọc K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồng Ngọc Q, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2007 và Lê Hồng Gia B, sinh ngày 05/3/2009 cho anh Ph tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ph và chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Lê Hồng Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Ph đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0022663 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Ph đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Phan Ngọc K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Anh Ph và chị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND thị trấn Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Chu Y